TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NĐ** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 208/2025/HNGĐ-ST Ngày: 06-5-2025 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Lê Thị Hằng N và anh Trần Duy D	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NĐ - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Tiến Dũng

Bà Trịnh Thị Kim Cúc

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Hứa Thu Hằng – Thư ký Toà án nhân dân thành phố NĐ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NĐ tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thị Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố NĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24-4-2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hằng N, sinh năm 2000; số căn cước công dân: 093300005576; nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố LĐ, phường TT, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Ấp 9, xã VT, huyện VT, tỉnh Hậu Giang; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Duy D, sinh năm 1997; số căn cước công dân: 036097006664; nơi cư trú: Tổ dân phố LĐ, phường TT, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ghi ngày 20-3-2025 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Lê Thị Hằng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Duy D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã LA (nay là phường Trường Thi), thành phố

NĐ vào ngày 30-6-2020. Sau khi kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, bất đồng quan điểm sống. Ngày 01-12-2020 anh D bị bắt tạm giam và phải đi chấp hành án, đến ngày 26-01-2025 anh D chấp hành án xong. Từ thời điểm anh Trần Duy D chấp hành án xong cho đến nay, vợ chồng không chung sống với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Trần Duy D.

Về con chung: Chị và anh Trần Duy D có 01 con chung là Trần Lê Bình A (giới tính: Nữ), sinh ngày 26-02-2021. Hiện nay cháu Trần Lê Bình A đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu Trần Lê Bình A cho chị trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh Trần Duy D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Tại bản tự khai ghi ngày 21-4-2025 và trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là anh Trần Duy D trình bày:*

Về điều kiện và hoàn cảnh kết hôn: Anh Trần Duy D nhất trí với lời khai của chị Lê Thị Hằng N.

Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn anh và chị Lê Thị Hằng N chung sống bình thường đến cuối năm 2020 thì anh phải đi chấp hành án. Năm 2022, chị N xin phép anh đưa con về nhà bố mẹ đẻ của chị tại tỉnh Hậu Giang và chị sinh sống tại đó cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nhất trí ly hôn chị Lê Thị Hằng N.

Về con chung: Anh và chị Lê Thị Hằng N có 01 con chung là Trần Lê Bình A (giới tính: Nữ), sinh ngày 26-02-2021. Cháu Trần Lê Bình A hiện đang sống với chị Lê Thị Hằng N. Nếu ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cháu Trần Lê Bình A cho anh trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh tự thỏa thuận với chị N, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại Biên bản thu thập chứng cứ ngày 14-4-2025, chính quyền địa phương nơi chị Lê Thị Hằng N và anh Trần Duy D cư trú cung cấp: Chị Lê Thị Hằng N và anh Trần Duy D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 30-6-2020 tại Ủy ban nhân dân xã LA (nay là phường Trường Thi), thành phố NĐ. Chị N và anh D có 01 con chung là Trần Lê Bình A (giới tính: Nữ), sinh ngày 26-02-2021. Quá trình chung sống, chị N và anh D có xảy ra mâu thuẫn nhưng tổ dân phố không biết nguyên nhân mâu thuẫn. Nay chị Lê Thị Hằng N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và con

chung với anh Trần Duy D, đề nghị Tòa án hỏi ý kiến, nguyện vọng của anh chị để giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NĐ, tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình xét xử tại phiên tòa.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hằng N: Xử ly hôn giữa chị Lê Thị Hằng N và anh Trần Duy D.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Giao cháu Trần Lê Bình A (giới tính: Nữ), sinh ngày 26-02-2021 cho chị Lê Thị Hằng N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Quan hệ tranh chấp:*

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 20-3-2025 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Lê Thị Hằng N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Trần Duy D và giải quyết việc nuôi con chung giữa chị và anh D, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Bị đơn là anh Trần Duy D không có yêu cầu phản tố. Do vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

[2] *Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:*

Nguyên đơn là chị Lê Thị Hằng N và bị đơn là anh Trần Duy D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của

Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt nguyên đơn là chị Lê Thị Hằng N và bị đơn là anh Trần Duy D.

[3] *Về nội dung tranh chấp trong vụ án:*

3.1. *Về quan hệ hôn nhân*:

Chị Lê Thị Hằng N và anh Trần Duy D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LA (nay là phường Trường Thi), thành phố NĐ vào ngày 30-6-2020. Như vậy, hôn nhân giữa chị Lê Thị Hằng N và anh Trần Duy D là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị Lê Thị Hằng N và anh Trần Duy D có xảy ra mâu thuẫn, hiện nay vợ chồng sống ly thân. Chị Lê Thị Hằng N và anh Trần Duy D đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị Hằng N có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải mâu thuẫn của vợ chồng. Xét hôn nhân giữa chị Lê Thị Hằng N và anh Trần Duy D hiện không còn tồn tại trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Hằng N: Xử ly hôn giữa chị Lê Thị Hằng N và anh Trần Duy D theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2. *Về nuôi con:*

Chị Lê Thị Hằng N và anh Trần Duy D có 01 con chung là Trần Lê Bình A (giới tính: Nữ), sinh ngày 26-02-2021.

Chị Lê Thị Hằng N và anh Trần Duy D đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy: Nguyện vọng nuôi con của chị Lê Thị Hằng N và anh Trần Duy D đều là chính đáng, chị Lê Thị Hằng N và anh Trần Duy D đều có đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, cháu Trần Lê Bình A còn nhỏ và đang được chị Lê Thị Hằng N trực tiếp nuôi dưỡng; do vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Trần Lê Bình A cho chị Lê Thị Hằng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Hằng N và anh Trần Duy D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3.3. *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng:*

Chị Lê Thị Hằng N và anh Trần Duy D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] *Án phí ly hôn sơ thẩm:*

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV: Chị Lê Thị Hằng N là nguyên đơn nên phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị Lê Thị Hằng N đã nộp được khấu trừ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV;

1. Xử ly hôn giữa chị Lê Thị Hằng N và anh Trần Duy D.

2. Về nuôi con:

- Giao cháu Trần Lê Bình A (giới tính: Nữ), sinh ngày 26-02-2021; số định danh cá nhân: 036321002059 cho chị Lê Thị Hằng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Hằng N và anh Trần Duy D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con chung.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị Hằng N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Lê Thị Hằng N đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002731 ngày 11-4-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố NĐ.

5. Chị Lê Thị Hằng N và anh Trần Duy D được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự: Chị Lê Thị Hằng N và anh Trần Duy D có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Toà án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố NĐ;
- Chi cục Thi hành án thành phố NĐ;
- UBND xã LA, thành phố NĐ
(GCNKH số 22 ngày 30-6-2020);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Mai Anh